TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 12/9/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Ông Dương Khánh Luy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hà Trưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 113/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2017/QĐXXST-HNGD ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị T - Sinh năm: 1978;

HKTT: SN 0NT, tổ MB, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Duy C - Sinh năm: 1970;

HKTT: SN 0NT, tổ MB, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn N;

HKTT: BL, xã HT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Đàm Thị T trình bày: chị T và anh C kết hôn ngày 31/12/2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C không quan tâm đến gia đình. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi và xô sát 02 lần, ngoài ra anh C nhiều lần dọa đánh chị T, khi bị đánh chị T đã báo công an và anh C đã được triệu tập ra phường nhắc nhở. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã được 8 năm, sau khi ly thân đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Bùi Ngọc D, sinh ngày 11/3/2003, hiện nay cháu đang ở với chị T. Chị T đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Duy C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận anh và chị T có quan hệ hôn nhân như chị T trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh C không nhất trí nguyên nhân như chị T trình bày, theo anh C nguyên nhân mâu thuẫn do chị T có mâu thuẫn với mẹ chồng, tự ý bán đất mà không hỏi ý kiến chồng và có quan hệ ngoại tình. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đã được tổ dân phố và gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành, chị T vẫn có hành vi ngoại tình và không tôn trọng mẹ chồng. Vợ chống đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, sau khi ly thân anh C xác nhận không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nhưng anh C không nhất trí ly hôn vì vợ chồng anh chưa thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung.

Về con chung: Anh C xác nhận giữa anh chị có 01 con chung như Chị T trình bày. Trường hợp ly hôn anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T được quyền nuôi con thì anh nhất trí với mức đóng góp là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Tại buổi hòa giải ngày 01/8/2017 anh C có ý kiến trước ngày 14/8/2017 sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Hết thời hạn trên tòa án không nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh C, tòa án lại tiếp tục thông báo các bên đến tòa để hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 28/8/2017 anh C có ý kiến: Tòa án đã cho anh thời gian để nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng nay anh không yêu cầu nữa.

Về nợ chung, nợ riêng: Xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đàm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh Bùi Duy C không nhất trí ly hôn. Về con chung: anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi con chung

đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh chị đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị T về việc xin ly hôn với anh Bùi Duy C. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa: Giao con chung là cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 11/3/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn anh chị khai không thông nhất.

Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh C xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và anh C nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh chị không còn trách nhiệm và nghĩa vụ gì đối với nhau, không quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Thời gian gần đây chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác trong thời kỳ hôn nhân là vi phạm luật hôn nhân và gia đình nhưng Hội đồng xét xử xét thấy đây không phải là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng vì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay và đến nay vẫn không khắc phục được.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 01/8/2017, ngày 28/8/2017 và tại phiên tòa anh C cũng khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nhưng anh C không nhất trí lý hôn vì vợ chồng chưa thỏa thuận được về việc chia tài sản chung. Tại buổi hòa giải ngày 01/8/2017 anh C có ý kiến sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung trước ngày 14/8/2017. Hết thời hạn trên anh C không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung cho Tòa án nên Tòa án tiếp tục thông báo các bên đương sự đến tòa để hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 28/8/2017 anh C khẳng định anh không yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, tòa án không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này mà sẽ giải quyết trong một vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù anh C yêu cầu đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu cố kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Ngọc D, sinh ngày 11/3/2003. Xét thấy sau khi anh chị ly thân cháu D sống với chị T tại tổ MB, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, chị T đã chăm sóc và đảm bảo phát triển về mọi mặt cho cháu. Tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất thỏa thuận giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu D nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tòa án sẽ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

Về nợ chung, nợ riêng: Các bên đều xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh C phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị T. Xử cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Bùi Duy C.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau: Giao cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 11/3/2003 cho chị Đàm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Bùi Duy C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí xin ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000142 ngày 06/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Duy C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung để xung công quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị Đàm Thị T và anh Bùi Duy C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hoài Phương